

Số: **602/2020/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 525/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê K.T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú hiện tại: Khu vực X, phường S, thành phố H;

- Chị Nguyễn Thị M. Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú hiện tại: Đường T, phường H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê K.T và chị Nguyễn Thị M. Q tiến hành đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh T và chị Q vào tỉnh Lâm Đồng làm ăn sinh sống. Chung sống hạnh phúc với nhau hơn 06 tháng thì chị Q về Huế để sinh con. Từ đó đến nay, hai người không tiếp tục chung sống với nhau nữa do có nhiều bất đồng trong quan điểm và lối sống. Nay anh T và chị Q đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận có 01 con chung tên là Lê N.B.N, sinh ngày 08/01/2017. Hiện tại cháu N đang ở cùng với chị Q nên thỏa thuận: Giao

cháu N cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung: Hai đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê K.T và chị Nguyễn Thị M. Q phải chịu lệ phí dân sự và thỏa thuận, mỗi người chịu 150.000 đồng.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê K.T và chị Nguyễn Thị M. Q.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao cháu Lê N.B.N, sinh ngày 08/01/2017 cho chị Nguyễn Thị M. Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê K.T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Lê K.T và chị Nguyễn Thị M. Q đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều

7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng: Anh Lê K.T và chị Nguyễn Thị M. Q phải chịu lệ phí dân sự, mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000677 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T, chị Q đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự thành phố H;
- UBND phường S
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam